

NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TRONG TẬP THƠ *DÒNG THIÊNG* CỦA NGUYỄN LINH KHIẾU

LÊ NAM LINH

Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
Email: lethinamlinh@gmail.com

Tóm tắt: Tập thơ *Dòng Thiêng* cho thấy thơ Nguyễn Linh Khiếu là sự kết hợp giữa thơ tự do và thơ văn xuôi. Bằng phương pháp phân tích văn bản, so sánh, đối chiếu, nghiên cứu chỉ ra đặc điểm ngôn ngữ thơ giàu tính tạo hình, tự do phóng túng, đậm tính triết lý, sử dụng nhiều động từ mạnh, nhiều tính từ liên tiếp..., của ông. Từ đó khẳng định một đặc điểm phong cách nghệ thuật thơ Nguyễn Linh Khiếu và những đóng góp của thi nhân đối với thơ ca đương đại Việt Nam nhìn từ phương diện ngôn ngữ nghệ thuật.

Từ khoá: Thơ Nguyễn Linh Khiếu, ngôn ngữ nghệ thuật, đặc điểm.

1. MỞ ĐẦU

Với khát vọng đóng được “dấu vân tay” của mình lên ngôn ngữ để tạo riêng cho mình những “vân chữ” “trộn không lẫn”, trong tập thơ *Dòng Thiêng*, Nguyễn Linh Khiếu đã đưa vào thơ tiếng nói chân thật của đời sống, tiếng nói của trí tưởng tượng diệu kì, tiếng nói rung cảm từ trái tim, tiếng nói bật lên từ chiều sâu vô thức trong cảm thức huyền thoại tinh tế và mãnh cảm. Điều hồn của kiến trúc ngôn từ trong thơ ông là giọng “trời phú”, từ giọng điệu cơ bản đó tạo ra nhiều sắc thái đa dạng, chứ không đơn điệu. Giọng điệu chuyển tải tư tưởng, tình cảm và quan niệm sáng tác của ông. Giọng điệu thơ ông thể hiện rất rõ phong cách riêng và độc đáo tạo nên sự truyền cảm cho độc giả. Nghiên cứu về cảm thức huyền thoại thể hiện qua ngôn ngữ nghệ thuật trong tập thơ *Dòng Thiêng* chính là một lần nữa làm sáng lên phong cách thơ Nguyễn Linh Khiếu và đây cũng là hướng tiếp cận ưu việt để có thể đánh giá một cách toàn diện, khách quan những đóng góp của ông trong sự phát triển thơ Việt Nam đương đại.

2. NỘI DUNG

Thơ Nguyễn Linh Khiếu đi vào tâm thức con người bằng ngôn ngữ thơ tự do phóng túng, mạnh mẽ, sinh động. Cũng như các nhà thơ thời kì đổi mới, Nguyễn Linh Khiếu theo “khуnh hướng cách tân thơ, không lấy *nghĩa* làm trọng tâm như thời Thơ mới nữa mà lấy *chữ* làm cốt yếu, sáng tạo chữ, làm chữ phát nghĩa mới là đích đến của sáng tạo” [2]. Nguyễn Linh Khiếu đã tạo ra những khoảng trống, những “độ không” của văn bản thơ đòi hỏi độc giả lấp đầy bằng dùng hồn ta để hiểu hồn người và tri thức, kinh nghiệm, phán đoán. Thơ Nguyễn Linh Khiếu thực ra là một cách nói sai ngữ pháp, bởi ông đã tước bỏ cách ngắt câu, tước bỏ các liên từ, quan hệ từ liên kết bộ phận câu, tạo ra những ngữ đoạn, những mệnh đề rời rạc không chỉ khác với lối nói quen thuộc đời thường mà còn khác hẳn với cách sử dụng ngôn ngữ của các nhà thơ đương thời. Sợi chỉ xanh kết nối con chữ tự do tuôn trào theo dòng chảy cảm xúc chính là cảm thức từ sâu thẳm vô thức được gọi về.

Chẳng hạn, khi xây dựng cổ mẫu gắn với tín ngưỡng phồn thực, ông thiết lập một trường từ vựng phồn sinh: *mỡ màu, trù phú, phì nhiêu, nở nang, căng mẩy, cường tráng...* các từ ám chỉ sự phồn thực này xuất hiện trong nhiều bài thơ nhưng không gây nhàm chán, đơn điệu mà gợi cảm nhận về sức sống căng tràn sinh sôi bất tận. Đúng là, “*ngồn ngộn sức sống về các vùng đất, vùng người còn tươi rói những mùa sinh sôi và giàu năng lượng sống*”¹. Ví dụ, từ “*nở nang*” với nghĩa gốc là “*đầy đặn, phồng phao*”, xuất hiện sống động trong 7 bài thơ mang nghĩa chuyển gợi hình ảnh sông Hồng và mảnh đất quê mỡ màu phì nhiêu là nguồn sinh dưỡng bất tận cho cỏ cây hoa lá (*Hoa linh thảo, Lá non mùa Hà Nội*), cho muôn loài (*Trâu mộng sông Hồng, Nước trời*), cho con người (*Ban mai Diêm Điền, Hoa linh thảo*) cho kết nối thương nguồn nhớ cội (*Dòng Chao Phraya*) và nối kết các nền văn hóa (*Bình gốm India*).

“*đất làng ta nhuần nhuyễn mỡ màu trai gái nở nang vạm vỡ*” (*Hoa linh thảo*)

“*mỡ màu và nở nang như thể sông Hồng quê ta/phù sa rực hồng muôn vàn thịt da thiếu nữ/cuốn cuộn mãi miết đi đâu*” (*Dòng Chao Phraya* - Nguyễn Linh Khiếu)

“*tung bừng hội hè đình đám/tung bừng lễ tang/tung bừng cầu cúng ca tụng thân linh/tung bừng gái trai nở nang vạm vỡ/tung bừng những đêm thiêng dồi dào chan chứa/ta cất lên bài ca ban mai bài ca cội rễ thiêng liêng của tiên tổ mình*” (*Ban mai Diêm Điền* - Nguyễn Linh Khiếu)

“*hiển hiện trong mơ trận thư hùng của những chàng trâu mộng/đất đai mỡ màu cỏ mướt xanh ngút ngát bày trâu cái động đực đen mướt nở nang/trận mạc nổ ra khi những nàng trâu cái ngược đôi mắt lẳng lơ ngắm bầu trời đỏ rực*” (*Trâu mộng sông Hồng* - Nguyễn Linh Khiếu)

“*đi dọc triền đê ngát hương những bãi bồi rộn rã mùa hồng hén/những nàng trâu cái nở nang những chàng trâu đực vạm vỡ tung tăng đùa dỡn hân hoan*” (*Nước trời* - Nguyễn Linh Khiếu)

“*mang về từ New Delhi/chiếc bình gốm hăng hăng cay cay say ngây ngất/nồn nà lòng lộng thướt tha/ngồn ngộn nở nang/bất khả luận bàn/vun vút bay miền trời thốn thức*” (*Bình gốm India* - Nguyễn Linh Khiếu)

“*những ngõ hẹp thăm thẳm gió lùa da thịt nở nang bóng dáng thời gian lên nước nâu già nhẵn bóng/những phố nhỏ thân thương cây cùng người chan chứa nương tựa giao hòa tuần hoàn nguồn sống*” (*Lá non mùa Hà Nội* - Nguyễn Linh Khiếu)

Thêm một dẫn dụ, bài thơ *Họa mi cao nguyên đá* như bản hòa tấu hành khúc, cung trưởng là tiếng hót họa mi. Bản chất ngôn từ của thơ là giàu tính nhạc. Cảm thụ ngôn ngữ thơ phải cảm nhận được tính nhạc của thơ. Thơ có thể không có vần điệu nhưng nhất thiết phải có giai điệu, có nhạc tính. Nhạc tính vừa là thuộc tính vừa là yếu tính của thơ. Không có nó thơ như mất hồn phách, không có nó, thơ như lìa xa địa hạt thể loại để

¹ Nguyễn Việt Chiến (2019). *Sự giải phóng năng lượng cá nhân của một nhà thơ*, Văn nghệ Quân đội, số 919, tr.72.

rồi bị các thể loại khác xâm thực mà biến mất. Tính nhạc của thơ Nguyễn Linh Khiếu được tạo bởi sự lựa chọn ngôn từ cẩn thận vì ngoài việc lưu tâm thể hiện ý tưởng, cảm xúc chân thành còn có mục đích tạo tính nhạc cho thơ, khiến bài thơ như bài ca. Ngoài nghệ thuật sắp đặt ngôn từ, ông còn chú ý thủ pháp âm thanh như vần điệu, nhịp điệu, lặp từ, lặp ngữ,... đặc biệt quan trọng trong việc tạo nhạc tính cho bài thơ như bản hoan ca, thánh ca. Đây là điểm khác biệt của thơ Nguyễn Linh Khiếu. Độ dài ngắn trong dòng thơ giúp phát triển nhịp điệu của bài thơ. Các dòng thơ ngắn khiến bài thơ có nhịp điệu nhanh. Các dòng thơ dài khiến tiết nhịp bài thơ chậm hơn. Việc không sử dụng dấu câu ngắt dòng mà chỉ tạo ra khoảng trắng giữa các chữ, các dòng và khổ thơ được các nhà thơ rất quan tâm, nó cho thấy nhà thơ muốn nhấn mạnh vào xung năng vô thức của độc giả để gọi mời bạn đọc cùng sáng tạo. Nó góp phần tạo ra giao cảm từ hiệu quả biểu đạt của nhà thơ và việc thưởng thức của người đọc. Nhà thơ rất chú trọng hình thức sắp đặt, phân dòng, phân khổ, không sử dụng dấu câu, không viết hoa, mở đầu tất cả các câu/dòng thơ đều viết chữ thường, dùng phép điệp lại liên tục các từ/ngữ/câu/mô hình câu một cách công khai, chủ động, xuyên suốt toàn tác phẩm, như một cách làm có chủ ý tạo nhịp điệu, tạo không gian, giai điệu, tạo nghĩa.

“tiếng chim chuông vàng vang dội cao nguyên/ngảng lên ngăn ngắt trời xanh/ngảng lên tua tua đá sắc/thăm thăm Nho Quế sợi chỉ bạc bằng lăng lênh lảnh mờ sương”

Tiếng hát theo nhịp điệu 2/2, 2/3, 2/4 nhanh, mạnh ở các câu thơ ngắn 4/5/6 chữ, như thức nhọn cao nguyên mênh mông sắc nhọn, chon von hoang vu, trập trùng hoang dã, thăm thăm chợ tình. Tiếng hát theo nhịp điệu êm dịu trong những câu thơ xấp xỉ 101/91/51/34 chữ: *“họa mi hát một mình trên sương xanh đá xám trên lúa nương khoai sắn cải ngồng cúc vàng kiêu mạch đại mạch đỗ đen đậu đỏ mận đào lê mắc coọc trên trâu bò lợn gà ngan ngỗng dê ngựa trên trần rần rần cáo cây hươu nai hổ báo trên bếp lửa trổng mờ trên rượu ngô trắng có trên cung tên dao kiếm trên thổ cẩm vòng bạc kiềng vàng trên anh túc bồ đề tam thất thảo quả mắc khén hạt dổi mèn mèn trên mắt thăm lạng phắc tóc râu ria heo hắt thốn thức khèn mèo”*.

Dòng âm thanh trong thơ Nguyễn Linh Khiếu đầy ngẫu hứng, bất ngờ, sinh động. Ông có hai cách chia cắt dòng âm thanh. Thứ nhất, ông dẫn dắt người đọc cảm thụ một cách trực tiếp qua nhịp điệu trùng với ngữ nghĩa, tức là ngắt nhịp, ngoài việc tạo tính nhạc còn có giá trị biểu đạt nội dung thơ. Ở trích đoạn trên, điệp từ “trên” bắt đầu cho một dòng âm thanh với chuỗi danh từ liệt kê sự phong phú bất tận sản vật mang sắc màu cao nguyên. Thứ hai, điểm đặc sắc nhất là thơ Nguyễn Linh Khiếu có cách ngắt nhịp không trùng ngữ nghĩa. Ta biết, nếu nhịp điệu không trùng với ngữ nghĩa, ngắt nhịp khác đi, ngữ nghĩa sẽ khác. Ông đã tạo tác những dòng thơ không có sự liên kết bằng liên từ “và”, “với”, “vì”, “thì”, “là”, “mà”, “nếu”, “tuy”... do đó, nhiều câu thơ của ông thật phi lô gích, phi kết cấu, thế nhưng lại tạo ra được những câu thơ mở rộng biên độ cả về ngữ nghĩa lẫn ngữ điệu, nó phụ thuộc vào thói quen hay cách cảm của người đọc, một câu thơ có đến vài ba cách ngắt nhịp: *“những người chưa yêu sẽ yêu những người đang yêu tình yêu đang mất những người đã yêu tình yêu đã chết những người đã chết tình yêu bơ vơ/...họa mi hát tình yêu bên bờ trời/ họa mi hát tình yêu bên bờ đá/ họa mi hát tình yêu*

bến bờ sương/họa mi hót tình yêu bến bờ người/... cổng trời cửa người vời vợi Dòng Vần đá ngón ngang tua tua cao nguyên”.

Bản hòa tấu ngẫu hứng của những con chữ đã thức nhọn đa chiều cảm xúc của độc giả về tiếng hót chim họa mi, khơi dậy khao khát về tình yêu và tự do. Do đó, tiếng hót họa mi thành hình tượng của tình yêu và tự do không chỉ của con người miền cao nguyên đá hoang vu này. Bài thơ đi đến câu cuối vẫn không đóng mạch thơ tạo ra kết cấu vòng và vĩ thanh là dư ba tiếng chim vẫn còn vọng vang nỗi niềm gì đó mà chúng ta khát khao muốn nghe được, thấy hết, nhận ra. *“Đây có thể là một tìm tòi mới, khiến bài thơ đầy ắp sức sống liên tưởng của anh nối dài được dư âm thơ trong tâm tưởng người đọc tạo nên một dòng chảy nhịp điệu sống động”*². Khi xem xét bài thơ *Họa mi cao nguyên đá*, có tác giả nhận xét: *“Cấu trúc của bài thơ đã phá vỡ hoàn toàn những qui tắc đối xứng của các thể thơ truyền thống. Dù trong bài thơ vẫn có những đoạn thơ 5 chữ, 8 chữ nhưng “hình dáng” của bài thơ đã tạo nên một kiểu thơ “độc” và “lạ: thơ xen văn xuôi, văn xuôi vẫn có nhịp, nhịp dồn dập như hơi thở liên mạch bất tận nhưng người đọc vẫn thấy rõ những khúc đoạn nào là thơ, khúc đoạn nào là thơ - văn xuôi”*³.

Khi mới xuất hiện, thơ Nguyễn Linh Khiếu được xem là một hiện tượng lạ của thi đàn vào đầu những năm 90 của thế kỉ trước, bởi tư duy đột phá mới mẻ, góc nhìn khám phá lạ hóa ngôn ngữ thơ. Bài thơ *Họa mi trên cao nguyên đá* cũng như rất nhiều bài thơ khác, Nguyễn Linh Khiếu đã kết hợp thơ tự do và thơ văn xuôi. Ngôn ngữ thơ văn xuôi Nguyễn Linh Khiếu phong phú, đa dạng gắn liền với ngôn ngữ đời sống.

Điều này thể hiện rõ trong việc Nguyễn Linh Khiếu đã rẽ lối băng đường tạo nhánh riêng trong hệ hình từ hiện đại sang hậu hiện đại với triết luận phồn sinh, phồn thực, tạo được dấu ấn riêng từ quá trình đi tìm thế giới tự thân. Để có thể có được những thủ pháp nghệ thuật tương thích với khát vọng phồn sinh, Nguyễn Linh Khiếu đã sử dụng thơ văn xuôi. Ông đã xử lí nguyên liệu “thơ văn xuôi” là của chung mọi người, trở thành những “*văn chữ*”, “*miền chữ*” của riêng mình, không ngừng khơi gợi được những rung cảm thẩm mỹ ở người khác. Ở thơ văn xuôi, mặc dù hình thức trình bày như văn bản văn xuôi nhưng ông đã cấu trúc ngôn ngữ thơ trở thành một mã nghệ thuật khơi gợi cảm thức huyền thoại. Nhà thơ đã tận dụng triệt để thế mạnh sáng tác khai thác mối tương quan tự do giữa các từ mà không cần câu nệ vào những qui ước:

“vẫn tiếng chuông ngân nga tiếng mõ lòng leo tiếng kinh chạm rãi trề nải tiếng ê a hư ảo ảo đảo huyền hoặc trong hoàng hôn tím sẫm khói sương bảng lảng bóng người lãng đãng hồn vĩa quê nhà” (Hoàng hôn Việt Nam Phật quốc tự - Nguyễn Linh Khiếu)

Nguyễn Linh Khiếu viết câu thơ với 41 con chữ cũ mòn, vậy mà người đọc vẫn thấy vô cùng thú vị vì câu thơ ngâm nhạc ngâm họa. Phải chăng, ông đã đặt nhằm chỗ từ *lòng leo*? bởi *tiếng mõ* là âm thanh, là vô hình, nó không phải vật thể có thể buộc chặt hay để

² Nguyễn Việt Chiến (2019). Sự giải phóng năng lượng cá nhân của một nhà thơ, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội*, số 919, tr.72.

³ Nguyễn Thị Phương Thùy (2019). Dấu ấn của những đổi mới về cấu trúc qua thơ một vài trường hợp, *Tạp chí Lý luận Phê bình văn học - nghệ thuật*, Số 6, tr.35-36.

để tuột dễ rời ra một cách *lỏng lẻo*. Về quan hệ lô gích, động từ *tiếng* mô không thể đứng kế cận với tính từ *lỏng lẻo*. Tương tự, tiếng kinh không thể *trễ nải*, tiếng ê a cầu khẩn không thể nào *lảo đảo* được. Thật lạ những sự kết hợp từ chéo ngoe, trái khoáy, hoàn toàn phi lô gích. Song, không thể phủ nhận: cách kết hợp của câu thơ đã tạo được sự bất ngờ, thích thú. Người đọc có cảm giác *tiếng chuông*, *tiếng mõ*, *tiếng kinh* dù không theo chuẩn mực nghiêm ngặt vẫn không “lệch nhịp, vỡ nốt, phô chênh” mà ngân vang, vắng vắng “*hư ảo lảo đảo huyền hoặc*” xuyên qua không gian thực tại Bodhgaya (Ấn Độ) nơi có cây bồ đề hùng vĩ thiêng liêng Đức Phật tu chứng quả để đưa hồn người về quê nhà. Một âm thanh vốn vô ảnh, vô hình chỉ với cách kết hợp “bất thường” này mà trở nên hữu hình, sống động. Không những thế, những từ ngữ dung dị đời thường “*lỏng lẻo*”, “*ê a*”, “*trễ nải*”, “*lảo đảo*” lấy trong lời ăn tiếng nói hàng ngày làm sống động hình ảnh thơ, tạo ra những câu thơ mộc mạc mang hồn cốt dân gian, kéo thơ ông gần gũi với cuộc đời. Đó còn là sự đóng góp cho ngôn ngữ thơ đa dạng, phong phú.

Cụm từ “*tiếng mõ lỏng lẻo*” gợi ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy hình khối liên tưởng âm thanh. Đó là biểu hiện của thơ siêu thực. Thơ Siêu thực hoán đổi các chủ thể tiếp nhận hoặc lược bỏ rất nhiều chủ thể để khiến bất kì sự tưởng tượng nào cũng có thể chấp nhận được, miễn là chủ thể tiếp nhận đó có thể rung động trước hình tượng. Cũng trong những từ *lỏng lẻo*, *ê a* cho ta cảm nhận trạng thái “buông bỏ” - một triết lý căn bản của Phật giáo là khuyên răn con người ta phải buông bỏ tham, sân, si. Từ đó, ta cũng thấy ngôn ngữ thơ Nguyễn Linh Khiếu hiện đại, cô đọng, giàu tính liên kết, tính tạo hình, tính luận đề, triết lý, nói như Roland Barthes trong *Độ không của lối viết*, “*được cảm nhận như một dạng tối giản của lời nói*”.

Thủ pháp nghệ thuật kết hợp từ một cách phi lý này được Nguyễn Linh Khiếu sử dụng khá phổ biến. Một bài thơ gần đây ông viết: “*đã cuối năm rồi sương mềm thôn dã/trung du thườn thượt những triền đồi/...tiếng mõ trâu lỏng lẻo tiếng mõ chùa*” (Chiều Trung du - Nguyễn Linh Khiếu)³ Vẫn cách nói quen thuộc của ông, nhưng ta vẫn thấy “*sương mềm thôn dã*”, “*thườn thượt những triền đồi*” và “*tiếng mõ trâu lỏng lẻo tiếng mõ chùa*” thật khó kết hợp, nó vô cùng khác lạ. Sự thuyết phục của thơ ông chính là ở nó tạo ra những lớp tầng ngữ nghĩa mới và bằng một cách nào đó đã khơi gợi nơi bạn đọc những trải nghiệm cá nhân của họ, dẫn dắt họ đồng sáng tạo với nhà thơ.

Qua thơ ta thấy, một Nguyễn Linh Khiếu thi nhân - triết gia - kí giả mẫn tuệ và từng trải, nhưng lại hết sức giản dị, sinh động, gần gũi, chan thành. Ông đi nhiều, trải nghiệm và chiêm nghiệm cuộc sống ở nhiều nước khác nhau, chính những cuộc du ngoạn “văn hóa” tạo nên giao thoa ngôn ngữ. Con người triết đem đến cho thơ sự cô đọng, giàu tính liên kết, ẩn dụ. Con người báo chí thổi vào ngôn từ hơi thở cuộc sống sinh động đương đại. Con người thi ca làm thăng hoa ngôn từ, kiểu ngôn từ xuất hiện như dòng chảy vô thức dẫn dắt ngòi bút thâm nhập khám phá tận vùng sâu thẳm của tâm linh. Quy tụ những điều đó, nhà thơ phá vỡ sự chặt chẽ trong liên kết ngôn từ mở ra tính liên kết bằng các trường liên tưởng từ hình ảnh thơ.

³ *Tạp chí Văn nghệ quân đội*. Số 913, tr.35.

Mỗi bài thơ của Nguyễn Linh Khiếu đều mang một thông điệp, một triết lí. Nhiều bài thơ ngắn chỉ 4 dòng nhưng đó lại như một bài *kệ*⁴: *Trận mưa, Hoa trắng, Sóng bạc, Cành mơ trắng...* Cô đọng nhất là bài thơ *Dưới chân Himalaya* với vồn vẹn có 5 chữ: *“đỉnh cao lạnh giữa trời”*. Đây có thể gọi là bài thơ tối giản hiếm hoi trong thơ Nguyễn Linh Khiếu bởi phong cách thơ văn xuôi và tư duy trường ca thường lấn át tư duy thơ của ông. Đứng dưới chân núi Himalaya nhìn ngọn núi sừng sững, cảm nhận những đỉnh cao bao giờ cũng chịu thân phận cô lẻ một mình trong mây tuyết. Ngọn núi cô lẻ ấy ẩn dụ những vĩ nhân bao giờ cũng lẻ loi một mình, rất ít người chia sẻ, bởi ít người ở cùng tầm cao.

Chúng tôi lấy ra bài thơ *Hạt mưa* để khảo cứu tính liên kết, tính tạo hình, tính luận đề, triết lý trong thơ Nguyễn Linh Khiếu: *“là hạt mưa/ta ở trên trời/muôn đời trong suốt/đằm đìa mát rượi những mùa hạn hán cánh đồng mẹ/ta luôn trở về từ trời xanh/...mẹ sinh ta trong căn bếp mịt mù khói ngồn ngang rom rạ/ngày nhỏ ta lẻo đẻo bên bếp lửa xem mẹ nấu rượu/chợt hiểu bí quyết mẹ đã làm ra ta/...ngút ngàn bay hơi từ nôi gạo nếp cái hoa vàng cánh đồng làng/ngút ngàn bay lên hôi hôi ngát ngậy căn bếp chật chội/ngút ngàn bay lên trong suốt vằn vỹ/một ngày đất đai hạn hán mẹ gọi ta về/...là hạt mưa/bao giờ ta cũng sống ở trên trời/bao giờ cũng trong suốt/bao giờ cũng rười rượi/bao giờ cũng đằm đìa những mùa hạn hán cánh đồng trần gian/ta bay lên trời từ căn bếp mịt mù rom rạ”* (*Hạt mưa* - Nguyễn Linh Khiếu).

Cảm thức ngời ca nguồn cội đã sinh dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của con người đã tạo tính liên kết cho bài thơ. Bài thơ giàu tính tạo hình bởi những hình ảnh thơ trở đi trở lại, hình ảnh cánh đồng (*cánh đồng mẹ, cánh đồng làng, cánh đồng trần gian*) và hình ảnh căn bếp (*mẹ sinh ta trong căn bếp mịt mù khói ngồn ngang rom rạ, ngày nhỏ ta lẻo đẻo bên bếp lửa xem mẹ nấu rượu, ngút ngàn bay lên hôi hôi ngát ngậy căn bếp chật chội, ta bay lên trời từ căn bếp mịt mù rom rạ.*) gợi nhận thức và xúc cảm yêu quý, tự hào về gốc gác bình dị, thân thương của mình.

Thơ hay là sự hội tụ của chiều sâu cảm xúc nhuần nhuyễn với cái sắc sảo của trí tuệ. Thơ đến trong tâm trí người sáng tạo, không phải chỉ như cách thông thường là do cảm xúc, vô thức, mà có khi còn do một ý tưởng/nhận thức/quan niệm xuất hiện, chi phối. Trong thơ Nguyễn Linh Khiếu, tính luận đề được ẩn trong sự tươi mát của cảm xúc và hình ảnh nó tạo nên những lớp nghĩa khác nhau. Chẳng hạn ở bài thơ *Hạt mưa*, lớp nghĩa dễ nhận thấy là sự suy nghiệm về hạt mưa bé nhỏ gắn liền với những phẩm tính đẹp đẽ (*trong suốt, mát rười rượi*), vĩnh cửu (*muôn đời... bao giờ... cũng...*), hữu ích cho đời (*đằm đìa những mùa hạn hán trần gian*) và bình dị, khiêm nhường (*ta bay lên trời từ căn bếp mịt mù rom rạ*). Hạt mưa nhỏ bé, bình dị, trong suốt đã trở thành một hình ảnh ẩn dụ cho phẩm chất tốt đẹp của con người. Từ đó, Nguyễn Linh Khiếu nâng lên thành triết lí cuộc sống: Những con người nhỏ bé, bình dị, luôn thầm lặng cống hiến cho đời. Ở một lớp nghĩa khác, đó là, tác giả tự nhận mình là hạt mưa. Cậu bé quê do mẹ sinh ra nhưng lại hóa thân thành hơi nước (qua hình tượng chưng cất rượu thủ công)

⁴ Theo Từ Điển của Thiệu Chử, trang 27, “Kệ là bài thơ của Phật”.

trong căn bếp nhỏ chật chội bay lên trời trở thành mây vùn vủ trong vũ trụ. Rồi một ngày những cánh đồng dưới mặt đất hạn hán nghe tiếng mẹ gọi những đám mây trên trời biến thành những hạt mưa trở về đầm đìa đồng đất quê hương. Ở đây, nhà thơ đã thiết lập một mối quan hệ biến hóa con người biến thành hơi nước, hơi nước biến thành mây trời, mây trời lại biến thành cơn mưa đầm đìa đất đai thấm nhuần muôn loài trên mặt đất. Như vậy, với tác giả giữa con người và trời đất luôn luôn chuyển lẫn nhau thành một nhất thể vũ trụ. Nói cách khác, trong cảm quan tác giả trời đất và con người hòa đồng, thống nhất với nhau làm một. Ta thấy, bài thơ được thể hiện bằng một hình thức thơ hiện đại (rất Tây) nhưng cảm thức của tác giả lại phát lộ tâm thức phương Đông thâm trầm và tổng phổ.

Cũng như nhiều bài thơ khác, bài *Hạt mưa* sử dụng nhiều động từ mạnh, nhiều tính từ liên tiếp kề cạnh nhau thể hiện hình tượng, cảm xúc và thái độ: *trong suốt, đầm đìa, mát rượi, hạn hán, mịt mù khói, ngổn ngang rơm rạ, lẻo đẽo, chột hiểu, làm ra, ngút ngàn bay hơi, ngút ngàn bay lên, hồi hồi ngát ngây, chật chội, vùn vủ, gọi, về, rười rượi, đầm đìa, ...* Đó là cách thức bộc bạch dòng cảm xúc thác lũ đang tuôn chảy trong giấc mơ vô thức sáng tạo của nhà thơ.

Trong giấc mơ vô thức sáng tạo ấy, ông tạo tác nhiều từ mới để gọi tên những sự vật, hiện tượng: linh thảo, lam hạnh, linh hương, hạnh trắng, khởi trình...: *“hoa linh thảo nhân từ vẩn rục rở nơi này mùa màng vẩn thong dong thủy triều vẩn dạt dào phù sa tôm cá”* (*Hoa linh thảo*), *“dầu giải nắng mưa dịu dàng e ấp một linh hương”* (*Hoa hạnh*), *“lam hạnh nở tung bùng dọc quân cảng tỉnh khô”* (*Mưa rơi dọc Cam Ranh*)...

Ngôn ngữ thơ Nguyễn Linh Khiếu ra đời từ sự bộc phát, thăng hoa của những đam mê, những ẩn ức mà trong đời sống vì một lẽ gì đó buộc phải che khuất, chôn chặt. Vùn thơ vụt lên trong dòng ý thức không đi theo một trật tự duy lý nào mà đi theo dòng tuôn trào tâm thức. Đó là lúc, cái vô thức điều khiển hành động sáng tạo. Nói như Freud, sáng tạo của nhà thơ chính là giấc mơ tỉnh thức. Trong giấc mơ tỉnh thức ấy, ông đã biến ngôn ngữ thực hành hằng thường thành ngôn ngữ thơ sinh động, đầy biến hóa để phản chiếu thể giới tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu suy tư, giàu ước vọng của mình và *từ phương trời của một người mà thành phương trời của nhiều người*.

3. KẾT LUẬN

Thơ Nguyễn Linh Khiếu mang dấu ấn cá nhân khác biệt, độc đáo về hình thức và ngôn ngữ. Thơ ông là sự kết hợp đặc trưng giữa thơ tự do và thơ văn xuôi, là sự kết hợp tham chiếu giữa tư tưởng phương Tây và tư tưởng phương Đông. Sự kết hợp này đã tạo nên văn bản thơ đặc thù với ngôn ngữ thơ tự do phóng túng, mạnh mẽ, sinh động, nhiều sức gọi, liên văn bản, đa tầng nghĩa. Tương hợp với tư tưởng phần sinh tươi tắn thấm nhuần trong những câu thơ, chữ nghĩa thơ Nguyễn Linh Khiếu mới mẻ, phi lý, lạ lùng, thăng hoa.

Về mặt ngôn ngữ, thơ Nguyễn Linh Khiếu là thơ phi truyền thống. Văn bản thơ ông bất định, định dạng mở, phi cấu trúc. Đặc biệt, từ bỏ đặc quyền của thơ là viết hoa chữ đầu câu, thơ ông chối từ dấu câu, tước bỏ hầu như các liên từ, các kết nối ngữ pháp đã thành qui phạm. Nó tạo ra những văn bản thơ khác nhau, những kết hợp chữ khác nhau và

những câu thơ khác nhau nơi bạn đọc. Thơ Nguyễn Linh Khiếu mặc dù là thơ văn xuôi phong phú, đa dạng gắn liền với ngôn ngữ đời sống, nhưng ngôn ngữ thơ ông hết sức cô đọng, hiện đại, đa liên kết, giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu...

Sự đặc biệt trong ngôn ngữ thơ Nguyễn Linh Khiếu chính là phương thức tối ưu chuyển tải những cảm thức, quan niệm và tư tưởng nhân sinh của nhà thơ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trương Đăng Dung (2004). *Tác phẩm văn học như là quá trình*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Hoàng Thị Huế (2014). *Tiếp nhận thơ Việt đương đại từ hành trình cách tân thơ ca*, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội & Nhân văn Hà nội, ISSN 1859-2856, số 9/2014.
- [3] Hoàng Thị Huế (2018). *Ba chiều cạnh của phê bình*, NXB Hội nhà văn.
- [4] Hoàng Thị Huế (2019). Cổ mẫu ánh sáng – bóng tối, hiện thực và huyền mộng trong thơ Việt Nam sau 1986, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, ISSN 1859-1612, Số 01(53)/2020.
- [5] Jung Carl Gustav (2019). *Thăm dò tiềm thức* (Vũ Đình Lưu dịch), NXB Tri thức.
- [6] Nguyễn Linh Khiếu (2019). *Dòng Thiêng*, NXB Hội nhà văn.
- [7] Lotman Yuri Mikhailovich (2004). *Cấu trúc văn bản nghệ thuật* (nhiều tác giả dịch), NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Chu Văn Sơn (2018). *Thơ - điệu hồn và cấu trúc*, NXB Giáo dục.
- [9] Đỗ Lai Thúy (2010). *Phê bình văn học, Con vật lưỡng thể ấy*, NXB Hội nhà văn.

Title: ART LANGUAGE IN *DONG THIENG* BY NGUYEN LINH KHIEU

Abstract: Nguyen Linh Khieu's poetry is a combination of free and prose poems. By the method of textual analysis, comparison, this research shows poetic language characteristics rich in shaping, liberal and philosophical characters and using many strong verbs, many consecutive adjectives.... Since then, it has affirmed a characteristic artistic style of Nguyen Linh Khieu's poetry and the poet's contributions to Vietnamese contemporary poetry seen from the aspect of artistic language.

Keywords: Nguyen Linh Khieu's poetry, artistic language, characteristics.